

CTCP Vinhomes (VHM)

Kì vọng doanh số bán hàng tăng cao

14/06/2022

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
 ngaphb@kbsec.com.vn

Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu thị trường Bất động sản (BDS)

Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu phân khúc BĐS nhà ở với thị phần trong phân khúc căn hộ ở tất cả các phân khúc trong giai đoạn 2016-2021 lên tới 27%, cao hơn so với doanh nghiệp đứng thứ 2 là 4%. Vinhomes hiện đang sở hữu quỹ đất lên tới 168 triệu m² sàn giúp đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận và giữ vững thị phần trong các năm tới.

Dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire ghi nhận kết quả bán hàng tích cực

Dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire nằm tại Hưng Yên đã được Vinhomes mở bán vào cuối tháng 4 với khoảng 5,800 sản phẩm thấp tầng với giá bán từ 1,300-2,200 USD/m² sàn. Dự án ghi nhận tỉ lệ hấp thụ cao nhờ vị trí thuận tiện cũng như cơ sở hạ tầng được đầu tư mạnh mẽ.

Hoàn thành việc bán hàng tại ba dự án và mở bán các đại dự án mới là The Empire, Wonder Park, Đại An và Cổ Loa

Ba đại dự án *Ocean Park*, *Smart City* và *Grand Park* được kì vọng sẽ sớm hoàn thành việc bán hàng trong năm 2022. Trong khi đó, các dự án lớn mới là *The Empire*, *Wonder Park*, *Đại An* và *Cổ Loa* dự kiến sẽ được mở bán trong năm nay với phần lớn là các sản phẩm thấp tầng có tiềm năng tăng giá tốt qua đó đảm bảo triển vọng kết quả bán hàng của Vinhomes trong ngắn và trung hạn. Tổng giá trị hợp đồng ký mới trong năm 2022 và 2023 ước tính lần lượt đạt 88 nghìn tỷ VND (+11%YoY) và 98 nghìn tỷ VND (+12%YoY).

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 103,300VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi tiếp tục đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu Vinhomes với giá mục tiêu là 103,300/cp, cao hơn 56% so với giá đóng cửa ngày 14/06/2022.

Mua duy trì

Giá mục tiêu 103,300VND

Tăng/giảm (%)	56%
Giá hiện tại (14/06/2022)	66,000VND
Giá mục tiêu đồng thuận	99,600VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	287.4/12.4

Dữ liệu giao dịch

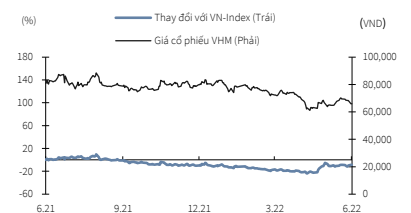
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	23.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	288.0/12.5
Sở hữu nước ngoài (%)	26.6%
Cổ đông lớn	Vingroup (66.66%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	0	-10	-15	-18
Tương đối	-4	7	-1	-9

FY-end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	71,547	84,986	110,125	126,591
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	37,306	47,665	47,399	56,955
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	27,351	38,825	36,845	44,363
EPS (VND)	8,166	8,916	8,462	10,188
Tăng trưởng EPS (%)	26	9	-5	20
P/E (x)	8.36	7.66	9.37	7.78
P/B (x)	2.67	2.38	2.05	2.04
ROE (%)	36	35	22	27
Tỷ suất cổ tức (%)	7	1	3	

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Kết quả kinh doanh Quý 1/2022

Lợi nhuận ròng quý 1/2022 giảm 16% so với cùng kỳ

Doanh thu từ chuyển nhượng BĐS trong quý 1 đạt 5,961 tỷ VND (-41%YoY) đến từ các dự án *Ocean Park* (2.6 nghìn tỷ VND), *Smart City* (1.7 nghìn tỷ VND) và *Grand Park* (1.3 nghìn tỷ VND). Trong quý, Vinhomes ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính 3,173 tỷ VND từ lãi giao dịch bán buôn tại dự án *Grand Park*. Ngoài ra, Vinhomes ghi nhận 188 tỷ VND từ lợi nhuận tại các dự án BCC như *Star City* (Thanh Hóa) và *The Harmony*.

Doanh thu từ chuyển nhượng BĐS (tính cả các dự án BCC và doanh thu bán buôn) trong Quý 1/2022 đạt 11,316 tỷ VND (-10%YoY).

Lợi nhuận gộp đạt 7,273 tỷ VND, giảm 9%YoY. Biên lợi nhuận gộp đạt 51%, tương đương so với cùng kỳ năm 2021.

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 4,540 tỷ VND (-16%YoY).

Như vậy, tính đến hết quý 1/2022, VHM đã hoàn thành 18% kế hoạch lợi nhuận năm 2022.

Bảng 1. Kết quả kinh doanh Quý 1/2022 của VHM

(tỷ VND)	1Q2022	1Q2021	% thay đổi
Doanh thu thuần	8,923	12,986	-31%
- Doanh thu chuyển nhượng BĐS	5,961	10,016	-40%
Lợi nhuận gộp	3,866	6,212	-38%
Doanh thu tài chính	3,829	2,307	66%
Chi phí tài chính	(477)	(361)	32%
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	11	21	-48%
Chi phí bán hàng	(327)	(457)	-28%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1,077)	(668)	61%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5,824	7,054	-17%
Lợi nhuận khác	62	31	102%
Lợi nhuận trước thuế	5,886	7,085	-17%
Lợi nhuận sau thuế	4,725	5,478	-14%
Lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ	4,540	5,396	-16%

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV tổng hợp

Hoạt động bán hàng vẫn duy trì kết quả khả quan

Trong quý 1, Vinhomes ghi nhận doanh số bán 9,400 căn phần lớn đến từ 3 đại dự án *Ocean Park*, *Smart City* và *Grand Park* với tổng giá trị hợp đồng đạt 16,500 tỷ VND. Tính đến cuối quý 1/2022, tổng giá trị hợp đồng đã ký và chưa ghi nhận doanh thu đạt 57 nghìn tỷ VND (+9%QoQ và +3%YoY), trong đó 3 đại dự án đang triển khai chiếm khoảng 42%.

Đối với 3 dự án lớn đang triển khai (*Ocean Park*, *Smart City* và *Grand Park*), hiện quỹ căn còn lại của các dự án lần lượt là 3900, 5800 và 5300 căn, chiếm khoảng 8-12% tổng số căn. Chúng tôi cho rằng Vinhomes sẽ hoàn thành việc bán hàng tại cả ba đại dự án trong năm 2022.

Bảng 2. Thông tin các dự án lớn đã triển khai

	Vinhomes Ocean Park	Vinhomes Smart City	Vinhomes Grand Park
Số lượng căn	49,300	46,300	47,200
Số lượng căn còn lại	3,900	5,800	5,300
Giá trị hợp đồng đã kí chưa ghi nhận doanh thu (tỷ VND)	6,040	6,320	11,720
Tiến độ xây dựng	78%	60%	62%

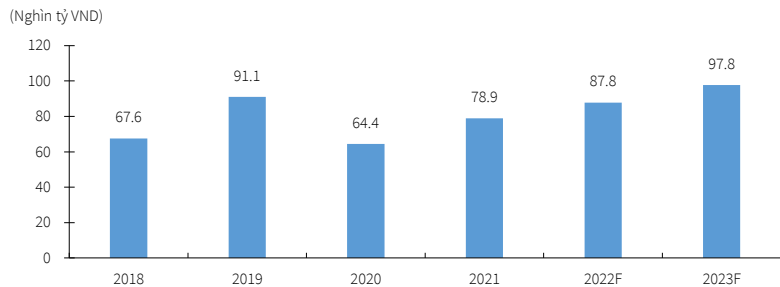
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire (The Empire) mở bán vào cuối tháng 4 ghi nhận tỉ lệ hấp thụ tốt

Vào cuối tháng 4/2022, Vinhomes đã mở bán dự án *Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire (The Empire)* (trước đây là *Vinhomes Dream City*). Trong đợt mở bán đầu tiên, Vinhomes đã mở bán 5,800 sản phẩm thấp tầng với mức giá bán vào khoảng 1,300-2,200 USD/m² sàn. Dự án ghi nhận mức độ hấp thụ tốt nhờ vị trí thuận lợi cũng như cơ sở hạ tầng và tiện ích đầy đủ và độc đáo của dự án được Vinhomes đầu tư mạnh mẽ.

Vinhomes đặt kế hoạch doanh số bán hàng năm 2022 rất cao 120 tỷ VND (+52%YoY) đến từ cả giao dịch bán buôn và bán lẻ từ mở bán tại các sản phẩm thấp tầng tại các dự án mới là *The Empire, Wonder Park, Đại An* và *Cổ Loa*. Tuy nhiên, trên quan điểm thận trọng, chúng tôi giữ nguyên dự báo doanh số bán hàng đạt 88 nghìn tỷ VND (+11%YoY), thấp hơn so với kế hoạch của doanh nghiệp 27% (Biểu đồ 3). Trong đó, tổng giá trị hợp đồng bán trong năm 2022 từ 3 dự án lớn đang triển khai chiếm khoảng 33% và từ 2 dự án *Wonder Park* và *The Empire* chiếm khoảng 36%.

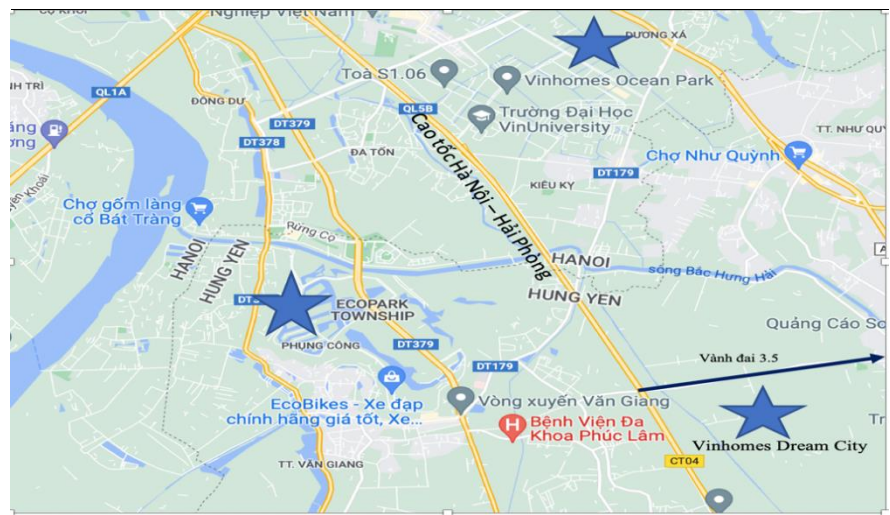
Biểu đồ 3. Giá trị hợp đồng bán 2018-2023F



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV tổng hợp

Hình 4. Vị trí dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire

Dự án *The Empire* nằm tại Văn Giang, Hưng Yên có vị trí gần với dự án Ocean Park, cạnh tuyến đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng và đường vành đai 3.5, do vậy dự án có kết nối tốt với khu vực trung tâm và các tỉnh thành lân cận.
 Dự án *The Empire* có diện tích gần 460ha, chính thức mở bán từ cuối tháng 4/2022.
 Dự án có nhiều tiện ích độc đáo như tổ hợp biển tạo sóng Royal Wave Park (18.1ha), hồ nước mặn Laguna (9.3ha) và công viên cát (1ha),...
 Hiện tại, Vinhomes đã hoàn thiện khu vực công viên nước, các căn thấp tầng đang trong quá trình xây dựng.



Nguồn: KBSV tổng hợp

Hình 5. Dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire



Nguồn: KBSV tổng hợp

Hình 6. Dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire



Nguồn: KBSV tổng hợp

Bảng 7. Các dự án triển khai cuối năm 2022

	Vinhomes Đại An	Vinhomes Wonder Park	Vinhomes Cổ Loa
Vị trí	Văn Giang, Hưng Yên	Đan Phượng, Hà Nội	Đông Anh, Hà Nội
Diện tích	294ha	133ha	385ha

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV tổng hợp

Dự phóng Kết quả kinh doanh năm 2022 và 2023

Năm 2022

Chúng tôi ước tính doanh thu năm 2022 của VHM đạt 110,125 tỷ VND (+30%YoY), phần lớn đến từ các dự án *Ocean Park*, *Smart City*, *Grand Park* và hai dự án mới là *Dream City* và *Wonder Park*.

Lợi nhuận gộp đạt 54,891 tỷ VND (+1%YoY) theo đó biên lợi nhuận gộp đạt 50%. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 36,545 tỷ VND (+-5%YoY).

Năm 2023

Doanh thu ước tính năm 2023 của VHM đạt 126,591 tỷ VND (+15%YoY).

Lợi nhuận gộp đạt 66,202 tỷ VND (+21%YoY), theo đó biên lợi nhuận gộp đạt 52%.

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 44,363 tỷ VND (+20%YoY).

Bảng 8. Dự phóng kết quả kinh doanh 2022-2023

(tỷ VND)	2021A	2022F	+/-% yoy	2023F	+/-%yoy
Doanh thu thuần	84,986	110,125	30%	126,591	15%
- Chuyển nhượng BĐS	67,309	96,226	43%	113,594	18%
Doanh thu hoạt động tài chính	7,995	1,310	-84%	1,380	5%
Lợi nhuận gộp	54,772	54,891	0%	66,202	21%
Lợi nhuận trước thuế	48,183	47,275	-2%	56,782	20%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	38,825	36,845	-5%	44,363	20%

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV ước tính

*Ước tính Doanh thu của chúng tôi dựa trên giả định công ty sẽ ghi nhận toàn bộ các giao dịch bán buôn vào doanh thu thuần. Doanh thu hoạt động tài chính chỉ đến từ lợi nhuận từ các dự án BCC.

Định giá & Khuyến nghị

Triển vọng tích cực với động lực chính các dự án quy mô lớn với tiềm năng tăng giá tốt

Chúng tôi duy trì đánh giá tích cực triển vọng tăng trưởng trong trung và dài hạn của cổ phiếu VHM do (1) Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu với quỹ đất lên tới 168 triệu m² sàn (2) Động lực tăng trưởng đến từ các ba đại dự án đã triển khai và các dự án đang được chuẩn bị mở bán như *The Empire*, *Đại An*, *Wonder Park* và *Cổ Loa* với phần lớn là các sản phẩm thấp tầng với tiềm năng tăng giá tốt.

Sử dụng phương pháp định giá RNAV, chúng tôi giữ nguyên khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHM với giá mục tiêu mới 103,300/cổ phiếu, cao hơn 56% so với giá đóng cửa ngày 14/06/2022. Chúng tôi điều chỉnh giảm giá mục tiêu so với báo cáo trước do thay đổi số dư tiền và nợ ròng vào thời điểm cuối quý 1/2022.

Bảng 9. Định giá RNAV

Dự án	Phương pháp	Giá trị
Phát triển BĐS	DCF	413,181,262
Cho thuê BĐS	DCF	15,761,646
Khu công nghiệp	DCF	30,297,349
		469,240,256
+ Tiền		5,628,313
- Nợ vay		25,466,748
RNAV		449,401,821
SLCPLH		4,354,368,093
Giá cổ phiếu (VND)		103,300

Nguồn: KBSV

Báo cáo Kết quả HĐKD

(Tỷ VNĐ)	2020	2021	2022F	2023F
(Báo cáo chuẩn)				
Doanh số thuần	71,547	84,986	110,125	126,591
Giá vốn hàng bán	-45,611	-36,526	-55,234	-60,389
Lãi gộp	25,936	48,460	54,891	66,202
Thu nhập tài chính	20,245	7,995	1,310	1,380
Chi phí tài chính	-4,019	-2,786	-2,616	-3,106
Trong đó: Chi phí lãi vay	-3,002	-2,348	-2,284	-2,637
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	19	54	0	0
Chi phí bán hàng	-2,681	-2,289	-2,765	-3,475
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-2,193	-3,769	-3,421	-4,046
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	37,306	47,665	47,399	56,955
Thu nhập khác	221	617	0	0
Chi phí khác	-1,010	-99	0	0
Thu nhập khác, ròng	-789	518	-124	-173
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	36,517	48,183	47,275	56,782
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-8,310	-9,234	-9,691	-11,902
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	28,207	38,948	37,583	44,879
Lợi ích của cổ đông thiểu số	855	124	738	517
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	27,351	38,825	36,845	44,363

Chỉ số hoạt động

	2020	2021	2022F	2023F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	53.2%	36.3%	57.0%	49.8%
Tỷ suất EBITDA	45.7%	30.2%	51.2%	45.4%
Tỷ suất EBIT	45.0%	29.4%	49.9%	44.2%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	57.6%	51.0%	56.7%	42.9%
Tỷ suất lãi hoạt động KD	57.6%	52.1%	56.1%	43.0%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	47.1%	39.4%	45.8%	34.1%

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ VNĐ)	2020	2021	2022F	2023F
Lãi trước thuế	36,517	48,183	47,275	56,782
Khấu hao TSCĐ	542	1,088	1,272	1,566
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-20,213	-7,761	-3,881	-12,106
Chi phí lãi vay	3,002	2,348	-2,284	-2,637
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	20,787	44,371	42,187	43,581
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	5,598	-7,504	163	-2,828
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	13,824	15,114	-8,286	-15,394
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	-7,057	-21,599	-592	2,118
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	411	797	215	4,068
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuế và khác	-8,680	-14,105	-11,975	-14,539
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	24,882	17,074	21,712	17,007
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-3,500	-17,898	-3,304	-3,798
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	430	46	0	0
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-4,826	-16,805	0	0
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	16,411	12,838	0	0
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	-53,488	-11,582	0	0
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	21,317	7,582	0	0
Cố tức và tiền lãi nhận được	1,235	3,823	0	0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-22,420	-21,996	-3,304	-3,798
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	62	6,515	0	0
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	-848	0	0	0
Tiền thu được các khoản đi vay	19,663	13,820	0	0
Tiền trả các khoản đi vay	-20,740	-19,301	8,714	3,218
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	0	0	0	0
Cố tức đã trả	-218	-5,199	-871	0
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-2,081	-4,165	7,843	3,218
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	381	-9,088	26,251	16,427
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	13,332	13,714	4,626	21,614
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	13,714	4,626	30,877	38,041

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ VNĐ)	2020	2021	2022F	2023F
(Báo cáo chuẩn)				
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	215,326	230,516	273,451	279,226
TÀI SẢN NGẮN HẠN	102,312	94,437	123,418	155,721
Tiền và tương đương tiền	13,714	4,626	21,614	26,629
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	2,054	4,979	4,979	4,979
Các khoản phải thu	34,592	37,750	41,458	53,352
Hàng tồn kho, ròng	42,984	28,579	36,864	52,258
TÀI SẢN DÀI HẠN	113,014	136,079	150,033	123,505
Phải thu dài hạn	11,084	14,955	17,186	19,755
Tài sản cố định	5,907	7,498	9,283	12,038
Tài sản dở dang dài hạn	32,361	45,033	45,033	45,033
Đầu tư dài hạn	9,756	10,940	10,940	10,940
Lợi thế thương mại				
NỢ PHẢI TRẢ	126,196	99,109	104,968	110,226
Nợ ngắn hạn	103,385	75,401	85,111	88,663
Phải trả người bán	11,401	12,507	11,915	14,033
Người mua trả tiền trước	26,969	8,865	9,911	12,299
Vay ngắn hạn	10,998	251	8,810	10,330
Nợ dài hạn	22,811	23,708	19,857	21,563
Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
Doanh thu chưa thực hiện	3,326	1,251	49	68
Vay dài hạn	13,958	19,668	19,823	21,520
VỐN CHỦ SỞ HỮU	89,130	131,407	168,483	169,000
Vốn góp	33,495	43,544	43,544	43,544
Thặng dư vốn cổ phần	295	1,260	1,260	1,260
Lãi chưa phân phối	56,259	79,413	116,250	116,250
Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ khác	0	0	0	0
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0

Chỉ số chính

(x, %, VNĐ)				
Chỉ số định giá				
P/E	8.4	7.7	9.4	7.8
P/E pha loãng	8.4	7.7	0.0	0.0
P/B	2.7	2.4	2.0	2.0
P/S	3.2	3.5	3.1	2.7
P/Tangible Book	2.6	2.3	2.0	2.0
P/Cash Flow	9.2	17.4	15.9	20.3
Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	11.1	7.2	7.2	6.0
Giá trị doanh nghiệp/EBIT	11.4	7.4	7.4	6.1
Hiệu quả quản lý				
ROE%	36	35	22	27
ROA%	22	32	28	31
ROIC%	13	17	14	16
Cấu trúc tài chính				
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.1	0.1	0.2	0.2
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.5	0.6	0.5	0.6
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.0	1.3	1.5	1.8
Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	0.2	0.2	0.2	0.2
Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	0.1	0.1	0.1	0.1
Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	1.2	0.6	0.1	0.1
Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.5	0.3	0.0	0.0
Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	1.2	0.6	0.5	0.5
Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	0.5	0.3	0.3	0.3
Tổng công nợ/Vốn CSH	1.4	0.8	0.6	0.7
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0.6	0.4	0.4	0.4
Chỉ số hoạt động				
Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	7.3	6.6	7.3	7.7
Hệ số quay vòng HTK	0.9	1.0	1.7	1.4
Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	5.2	3.1	4.5	4.7

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Ví mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Ví mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Năm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.